

Bản án số: 78/2019/HS-PT
Ngày: 04-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nôm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 65/2019/TLPT-HS ngày 06 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo Phan Tấn G do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2019/HS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phan Tấn G (Quy), sinh năm 1998 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp HHT, xã HN, huyện GT, tỉnh BT; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Tấn M và bà Nguyễn Thị T; tiền án: không; tiền sự: tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 60/QĐ-XPHC ngày 01/10/2018 của Ủy ban nhân dân xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 3.000.000 đồng về hành vi không giao nộp vũ khí (01 cây kiếm bằng kim loại) theo quy định; bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Tấn G là người làm thuê tại cơ sở thạch dứa của ông Nguyễn Tuấn Nh tọa lạc ấp Thập Tư, xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Vào ngày 01/3/2019, G hỏi mượn ông Lê Văn BH là quản lý cơ sở thạch dứa nói trên số tiền 500.000 đồng, lúc này ông BH lấy tiền trong cốp xe để cho mượn, G phát hiện trong cốp xe có nhiều tiền nên nảy sinh ý định lấy trộm. Đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 03/3/2019, lợi dụng lúc ông BH bận công việc và không có ai trông coi xe nên G lấy một cây đoản tự chế bằng kim loại mở cốp xe mô tô biển số 71S3 - 6760 của ông BH

lấy trộm số tiền 67.000.000 đồng trong cốp xe. Sau khi trộm được tiền G đã dùng 30.000.000 đồng để mua xe mô tô biển số 71C2 - 556.14, số tiền còn lại G đánh bạc và tiêu xài hết.

Vật chứng, tài sản thu giữ:

- 01 chiếc xe mô tô biển số 71C2 - 556.14;
- 01 cây đoản tự chế bằng kim loại dài 08cm;
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 71C2 - 556.14.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2019/HS-ST ngày 31-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phan Tấn G phạm “Tội trộm cắp tài sản”;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Tấn G 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 12/8/2019, bị cáo Phan Tấn G kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phan Tấn G thừa nhận hành vi phạm tội trộm cắp tài sản đúng như nội dung Bản án sơ thẩm đã tuyên và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Phan Tấn G phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bản thân bị cáo đã có tiền sự, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù và không cho hưởng án treo là có căn cứ; tại cấp phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phan Tấn G 01 năm 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Phan Tấn G khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, thể hiện: vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 03/3/2019, tại ấp Thập Tư, xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; bị cáo Phan Tấn G đã có hành vi lén lút lấy trộm số tiền 67.000.000 đồng của ông Lê Văn BH để trong cốp xe mô tô. Với ý thức, hành vi và số tiền bị cáo chiếm đoạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Phan Tấn G phạm “Tội trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu được hưởng án treo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại xong cho bị hại; bị hại có đơn bãi nại và tại phiên tòa sơ thẩm có yêu cầu cho bị cáo được hưởng án treo; bị cáo có đóng góp vào phong trào phòng chống tội phạm tại địa phương; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đã xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; vì động cơ tư lợi, mục đích chiếm đoạt tài sản đã cố ý thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, hành vi của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương; tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp tình tiết bản thân là lao động chính trong gia đình nuôi cha bị khuyết tật nặng và mẹ bị bệnh để xin được hưởng án treo; tuy nhiên bị cáo không cung cấp được giấy tờ gì để chứng minh việc mẹ bị cáo bị bệnh nên lời trình bày của bị cáo về việc mẹ bị cáo bị bệnh là không có cơ sở. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm cũng áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và đã áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù là hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là đã có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo. Ngoài ra; bị cáo đã có 01 tiền sự do bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi không giao nộp vũ khí (01 cây kiếm bằng kim loại) theo quy định nên không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng hình phạt tù không cho bị cáo hưởng án treo là đúng quy định của pháp luật. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo Phan Tấn G ; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 19/2019/HS-ST ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Tấn G 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Phan Tấn G phải chịu 200.000 đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I TANDTC (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư Pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Giồng Trôm (1b);
- Công an huyện Giồng Trôm (1b);
- TAND huyện Giồng Trôm (3b);
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm (1b);
- Tòa Hình sự, Phòng KTNV&THA, Văn Phòng Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (6b);
- UBND xã Hưng Nhượng – huyện Giồng Trôm (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tôn Văn Thông